

KHẢ QUAN

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 cao nhất 10 năm

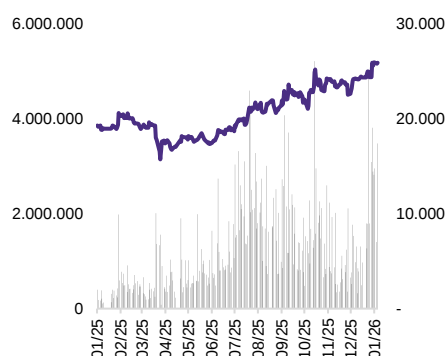
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Điện khí
Ngày báo cáo	: 27/01/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 26.650
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 29.500
Tỷ lệ tăng (%)	: +10,7%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 7.672
SLCPLH (CP)	: 287.876.029

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	48,6%	32,7%
Tăng trưởng LNST (%)	-69%	466%
Biên LNG (%)	4,9%	20,2%
Biên LNST (%)	4,2%	17,8%
ROA (%)	0,9%	4,6%
ROE (%)	1,8%	8,9%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,24	0,37
EPS (VND/CP)	247	1.442
BVPS (VND/CP)	14.552	16.427

Nguồn: FiinPro, ABS Research

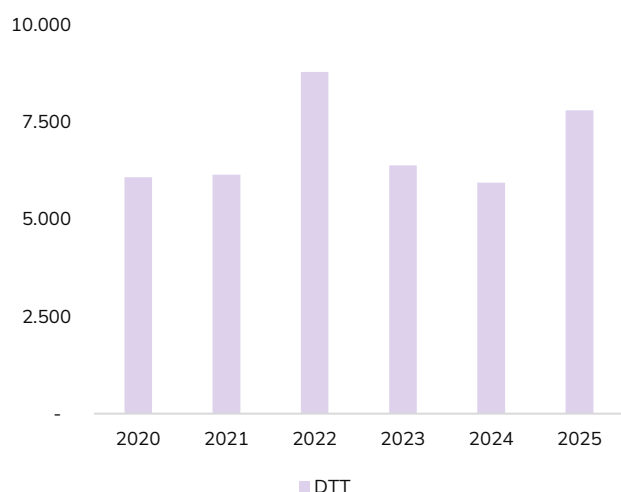
- **KQKD Q4/2025 – tăng trưởng ấn tượng svck:**
 - ✓ Doanh thu thuần (DTT) của NT2 đạt 2.367 tỷ đồng (+32,7% svck). Lợi nhuận gộp đạt 478 tỷ đồng (+443,9% svck).
 - ✓ Kết quả tích cực trên là do: i) Sản lượng điện Q4/2025 tăng trưởng tốt +18,5% svck lên 966,26 triệu kWh (+17,7% svck), trong khi đó sản lượng điện theo hợp đồng (Qc) của NT2 được giao khá cao, khoảng 1.044 triệu kWh (+56,5% svck), nên vẫn được hưởng doanh thu theo Qc như đã ký với EVN. Trong khi đó giá vốn hàng bán chỉ tăng +11,4% svck, tốc độ tăng DTT mạnh hơn so với tốc độ tăng giá vốn khiến lợi nhuận gộp tăng mạnh; ii) Giá bán điện Q4/2025 tăng +12,8% svck lên 2.450 đồng/kWh; iii) Giá khí đầu vào giảm -3% svck về còn 9,17 USD/mmBTU.
 - ✓ Chi phí QLDN tăng lên 35 tỷ đồng (+51,9% svck).
 - ✓ Doanh thu tài chính trong Q4/2025 đạt 52 tỷ đồng, tăng mạnh +50,8% svck, chủ yếu do lãi tiền gửi tăng. Chi phí tài chính trong kỳ cũng tăng mạnh +77,7% svck lên 18 tỷ đồng, chủ yếu là do chi phí lãi vay tăng mạnh.
 - ✓ **Kết quả, LNST Q4/2025 của NT2 đạt trên 422 tỷ đồng (+466% svck).**
- **Doanh thu, LNST năm 2025 lên mức cao nhất trong vòng 10 năm:**
 - ✓ Lũy kế năm 2025, DTT của NT2 đạt 7.804 tỷ đồng (+31,3% svck), lợi nhuận gộp đạt 1.093 tỷ đồng (+2.023% svck), biên LNG đạt 14% (+13,1 điểm % svck).
 - ✓ KQKD khả quan trên là do cả sản lượng tiêu thụ điện và giá bán điện cùng tăng trưởng tốt svck trong khi giá khí đầu vào giảm nhẹ. Cụ thể, sản lượng điện tiêu thụ của NT2 trong năm 2025 đạt 3.122 triệu kWh (+13,9% svck) trong khi sản lượng điện Qc là 3.504 triệu kWh (+57,1% svck) & giá bán điện đạt 2.502 đồng/kWh (+15,5% svck). Giá khí đầu vào giảm nhẹ về còn 9,38 USD/mmBTU.
 - ✓ Chi phí QLDN giảm -6,7% svck về còn 76 tỷ đồng.
 - ✓ Doanh thu tài chính tăng lên 170 tỷ đồng (+70,5% svck), chủ yếu do lãi tiền gửi tăng & chi phí tài chính tăng lên 66 tỷ đồng (+71,7% svck) do vay nợ tăng.
 - ✓ Lợi nhuận hoạt động khác giảm mạnh -98,5% svck về còn hơn 1 tỷ đồng, chủ yếu do trong năm 2024 NT2 ghi nhận thu nhập từ ghi nhận tăng giá trị vật tư dự phòng ISP 70,3 tỷ đồng.
 - ✓ **Kết quả, LNST năm 2025 của NT2 đạt 999,7 tỷ (+11 lần svck). Năm 2025, NT2 đặt kế hoạch 8.212 tỷ đồng doanh thu & 279 tỷ đồng LNST. Như vậy, kết thúc năm 2025, NT2 đã hoàn thành 97,2% kế hoạch doanh thu và 358,3% kế hoạch LNST năm 2025. Đây là mức LNST cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.**

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & 2025

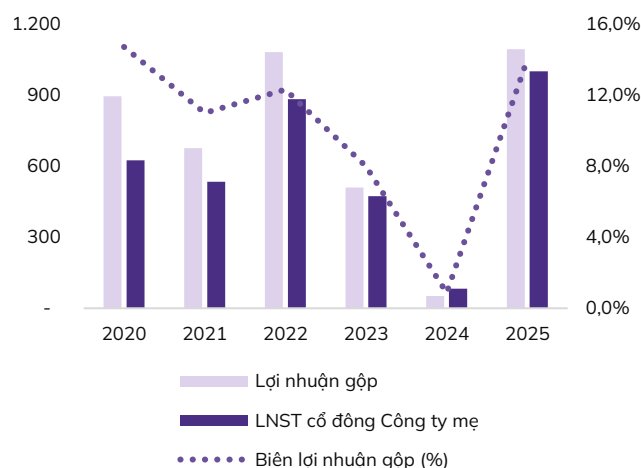
Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	1.784	2.367	32,7%	5.944	7.804	31,3%
Lợi nhuận gộp	88	478	443,9%	52	1.093	2.023%
Biên LN gộp	4,9%	20,2%		0,9%	14,0%	
Chi phí BH & QLDN	(23)	(35)	51,9%	(81)	(76)	-6,7%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	1,3%	1,5%		1,4%	1,0%	
Doanh thu tài chính	35	52	50,8%	100	170	70,5%
Chi phí tài chính	(10)	(18)	77,7%	(39)	(66)	71,7%
Chi phí lãi vay	(10)	(18)	79,6%	(35)	(65)	85,2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	89	477	433,9%	32	1.122	3.446%
Lợi nhuận trước thuế	90	475	430,6%	104	1.123	980%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	75	422	466,3%	83	1.000	1.106%
Biên LN ròng	4,2%	17,8%		1,4%	12,8%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Quy mô DTT của NT2 2020-2025 (tỷ đồng)

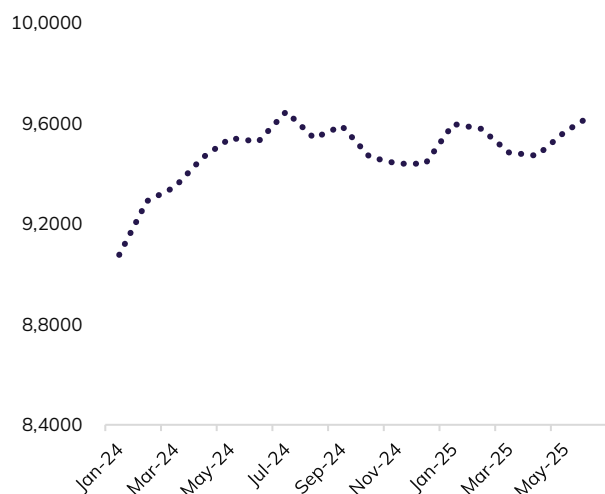


Quy mô lợi nhuận của NT2 2020-2025 (tỷ đồng)

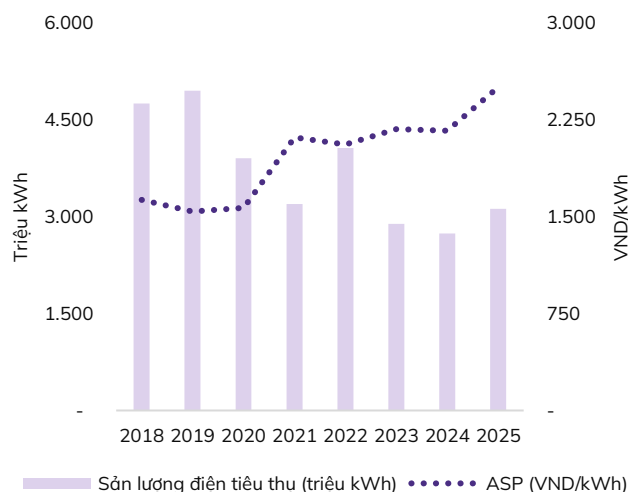


Nguồn: FiinPro, ABS Research

Giá khí đầu vào của NT2 (USD/mBTU)



Sản lượng tiêu thụ và giá bán điện của NT2

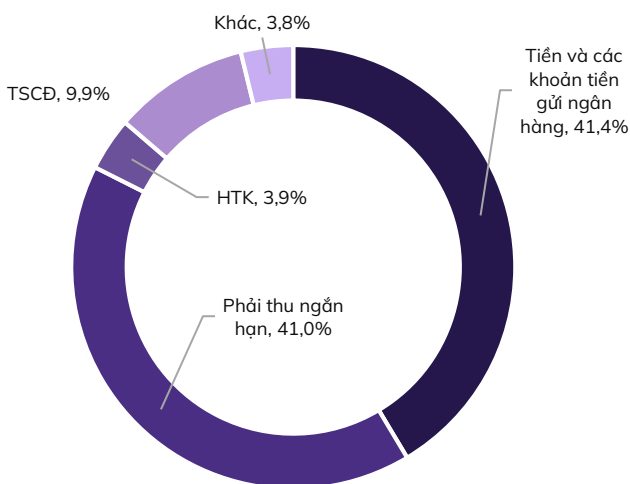


Nguồn: NT2, ABS Research

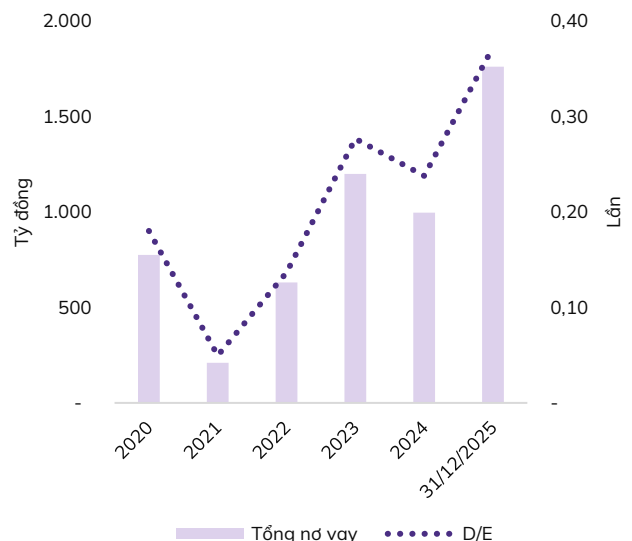
- **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào, cổ tức bằng tiền đều đặn & đòn bẩy tài chính thấp:**

- ✓ **Lượng tiền dồi dào.** Tại 31/12/2025, NT2 có 3.780 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+62,2% so với cuối năm 2024), chiếm 41,4% cơ cấu TTS. Chúng tôi cho rằng lượng tiền tăng mạnh tại thời điểm cuối năm 2025 là do: i) Dòng tiền thuần từ HĐKD cải thiện, ghi nhận dương trên 1.006 tỷ đồng (+90,7% svck), một phần do KQKD năm 2025 khả quan & chi phí khấu hao sụt giảm -19% svck tạo dư địa tiền nhàn rỗi lớn; ii) Chi phí trả trước dài hạn sụt giảm mạnh, do chi phí nhiên liệu trả trước cho việc mua khí theo nghĩa vụ bao tiêu với PVGas 1.040 tỷ đồng đã được khấu trừ toàn bộ. Lượng tiền dồi dào, giúp NT2 có thể chủ động trong HĐKD. Bên cạnh đó, NT2 có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền khá đều đặn. Tỷ lệ cổ tức bằng tiền của NT2 năm 2023 là 15%, năm 2024 là 7% và dự kiến năm 2025 là 10%.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 3.741 tỷ đồng (+25,2% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 41% cơ cấu TTS. Trong đó, hơn 3.616 tỷ đồng là từ Công ty Mua bán Điện của EVN (EPTC).
- ✓ **TSCĐ sụt giảm mạnh do khấu hao hết máy móc thiết bị (MMTB) vào cuối năm 2025.** Theo đó, giá trị TSCĐ cuối năm 2025 là 902 tỷ đồng (-37,5% svck), chiếm 9,9% cơ cấu TTS, chủ yếu là nhà xưởng, trong đó MMTB đã khấu hao 405,6 tỷ đồng trong năm 2025 và chính thức hết khấu hao từ năm 2026.
- ✓ **Nợ vay ngắn hạn tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, tổng nợ vay của NT2 là 1.762 tỷ đồng (+76,9% so với thời điểm cuối năm 2024), trong đó toàn bộ là nợ vay ngắn hạn. Chúng tôi cho rằng việc nợ vay ngắn hạn tăng mạnh trong bối cảnh dòng tiền của NT2 cải thiện là nhằm mục đích đảm bảo nguồn vốn lưu động cho HĐKD. Hệ số D/E tại thời điểm 31/12/2025 của NT2 là 0,37 lần, tăng so với mức 0,24 lần tại thời điểm cuối năm 2024. Mức đòn bẩy như vậy vẫn ở ngưỡng an toàn.
- ✓ **Đáng chú ý,** dòng tiền thuần từ HĐ đầu tư cuối năm 2025 bị âm 1.376 tỷ đồng, trong khi dòng tiền từ HĐ tài chính lại dương mạnh 334,5 tỷ đồng. Điều này là do trong kỳ, NT2 đã tăng mạnh nợ vay ngắn (như đề cập ở trên), đồng thời tăng mạnh các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Chúng tôi cho rằng NT2 có thể vừa tận dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn thấp vừa đảm bảo đáp ứng nguồn vốn lưu động cho HĐKD.

Cơ cấu TTS của NT2 tại 31/12/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của NT2



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng của NT2 khả quan dựa trên các yếu tố sau:**

- ✓ Triển vọng lợi nhuận năm 2026 dự báo tiếp tục khả quan do nhu cầu điện được hỗ trợ từ động lực tăng trưởng kinh tế. Quốc hội mới đây cũng đã thông qua mục tiêu GDP năm 2026 là trên 10%. Trong dài hạn, Chính phủ quyết tâm tăng trưởng hai con số. Quy hoạch điện VIII điều chỉnh được phê duyệt vào 15/04/2025 cũng nêu rõ mục tiêu GDP bình quân là 10%/năm.

trong giai đoạn 2026-2030 và 7,5% cho giai đoạn 2031-2050. Kinh tế dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2026 sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng điện năng, ước tính cứ 1% tăng GDP sẽ khiến nhu cầu tiêu thụ điện tăng 1,3-1,5%.

- ✓ Khoản thu nhập bất thường có thể hỗ trợ lợi nhuận cho NT2. Khoản thu nhập bất thường này dự kiến đạt 266 tỷ đồng, bao gồm: i) Khoản bồi thường lỗ tỷ giá trị giá 177 tỷ đồng cho phần còn lại của năm 2019, và các năm 2020, 2021; ii) Khoản phí dịch vụ môi trường rừng trong giai đoạn 2019 - 2024. Tuy nhiên, chúng tôi cũng chưa chắc chắn về thời điểm được ghi nhận và giá trị ghi nhận do NT2 đang trong quá trình đàm phán với EVN.
- ✓ Chúng tôi cho rằng triển vọng lợi nhuận năm 2026 của NT2 có thể tiếp tục cải thiện do đã hết khấu hao MMTB từ cuối năm 2025, từ đó giúp cải thiện lợi nhuận cho NT2 từ năm 2026 trở đi. Trong năm 2025, khấu hao MMTB của NT2 là 405,6 tỷ đồng.
- ✓ Tiếp cận nguồn khí đầu vào có phần thuận lợi. Hiện nay, nguồn khí trong nước vẫn đang trên đà suy giảm. NT2 dự kiến được hưởng lợi nhờ việc PVGas kết thúc hợp đồng cung cấp khí cho các nhà máy điện khí Phú Mỹ 2.2, điều này giúp tái phân bổ nguồn khí cho các nhà máy điện còn lại, trong đó có NT2. Trong khi đó, NT2 có hợp đồng bao tiêu khí nội địa với PVGas đến hết năm 2026. Bên cạnh đó, NT2 cũng đã chủ động ứng phó với tình trạng cạnh tranh nguồn khí đầu vào bằng cách đang tích cực làm việc với EVN để xin ý kiến chấp thuận về việc sử dụng LNG nhập khẩu nhằm hỗ trợ tăng trưởng sản lượng điện thương phẩm trong dài hạn, trong các năm sau 2026. Đây được coi là giải pháp bổ sung để cải thiện khả năng huy động, mở rộng sản lượng từ năm 2026 trở đi. Bên cạnh đó, giá khí đầu vào năm 2026 dự báo tiếp tục duy trì mức thấp, thậm chí sụt giảm do cung cao hơn cầu, giúp hỗ trợ lợi nhuận cho NT2.
- ✓ Dòng tiền của NT2 thời gian tới dự kiến tiếp tục cải thiện khi tình trạng tài chính của EVN đang có những tiến triển tốt. Tại 31/12/2025, NT2 đang có 3.616 tỷ đồng khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện của EVN (EPTC), chiếm 40% cơ cấu TTS. Mới đây, EVN vừa công bố BCTC hợp nhất năm 2024 ghi nhận LNST đạt 8.237 tỷ đồng sau 2 năm lỗ nặng. Kết quả trên một phần là do nhiều lần tăng giá bán lẻ điện bình quân, năm 2023 tăng 7,5%, năm 2024 tăng 4,79% và gần nhất là tháng 5/2025 tiếp tục tăng 4,8% lên 2.204 đồng/kWh. Tình hình tài chính của EVN nhìn chung dự báo sẽ tiếp tục cải thiện và điều này sẽ tác động tích cực tới dòng tiền của các công ty bán điện cho EVN, trong đó có NT2.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST 2026F của NT2 tiếp tục lạc quan, dự kiến đạt 1.119 tỷ đồng (+11,9% svck & +5% so với dự phóng gần nhất) do: i) Sản lượng & giá bán điện tiếp tục tăng trưởng svck do nhu cầu điện dự báo tiếp tục tăng với động lực từ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế & Qc được giao dự báo vẫn ở mức cao khi pha thời tiết El Nino dự báo sớm quay trở lại; ii) Giá khí đầu vào dự báo cũng giảm tốt hơn dự phóng trước đây của chúng tôi; iii) Nguồn khí của NT2 trong năm 2026 dự báo tiếp tục ổn định khi NT2 có hợp đồng bao tiêu khí nội địa với PVGas đến hết năm 2026; iv) Khấu hao năm 2026 dự kiến giảm trên 405 tỷ đồng do đã hết khấu hao MMTB từ năm 2025. EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 3.887 đ/cp & 19.313 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 6,7 và 1,35 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 20,1%. Mức lợi nhuận có thể cao hơn dự phóng của chúng tôi nếu NT2 được nhận các khoản bồi thường như chúng tôi đã đề cập phía trên và Qc năm 2026 được giao ở mức cao hơn dự phóng của chúng tôi.
- ✓ Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu NT2 với giá mục tiêu dự kiến đạt 29.500 đ/cp (+10,7% so với giá hiện tại).

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA NT2

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	8.788	6.386	5.944	7.804
Giá vốn hàng bán	-7.706	-5.876	-5.892	-6.710
Lợi nhuận gộp	1.082	510	52	1.093
Doanh thu tài chính	24	107	100	170
Chi phí tài chính	-18	-34	-39	-66
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-131	-69	-81	-76
Lợi nhuận từ HKKD	957	514	32	1.122
Lãi/Lỗ khác	-13	2	146	1
Lợi nhuận trước thuế	944	516	177	1.123
Lợi nhuận sau thuế	840	435	135	1.000
LNST cổ đông Công ty mẹ	883	473	83	1.000

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HKKD	1.383	857	528	1.006
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-946	-1.090	-67	-1.376
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-54	-150	-405	334
LCT thuần trong kỳ	383	-383	56	-35
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	1	384	1	57
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	384	1	57	22

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,61	1,16	1,28	1,79
Khả năng thanh toán nhanh	1,50	1,08	1,18	1,71
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,47	0,51	0,52	0,86
Khả năng thanh toán lãi vay	62,44	16,25	6,07	18,36
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,62	0,51	0,48	0,52
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,38	0,49	0,52	0,48
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,14	0,28	0,24	0,37

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	105,5	147,0	159,3	153,2
Số ngày phải trả	42,7	76,1	121,8	94,8
Số ngày tồn kho	14,6	17,6	18,4	18,7
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	12,3%	8,0%	0,9%	14,0%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	10,8%	7,0%	-0,5%	13,1%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	9,6%	6,8%	2,3%	12,8%
ROE	19,0%	9,7%	3,2%	22,4%
ROA	11,9%	5,5%	1,6%	11,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	384	1	57	22
+ Đầu tư ngắn hạn	949	2.100	2.273	3.757
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.911	2.326	2.989	3.741
+ Hàng tồn kho	307	260	333	354
+ Tài sản ngắn hạn khác	5	83	122	5
Tài sản ngắn hạn	4.557	4.770	5.774	7.879
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	2.809	2.125	1.442	902
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	0	0	0	0
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	79	1.556	1.482	343
Tài sản dài hạn	2.888	3.681	2.924	1.245
Tổng Tài sản	7.445	8.451	8.698	9.124
+ Vay ngắn hạn	631	1.200	996	1.762
+ Nợ ngắn hạn khác	2.200	2.915	3.512	2.633
Nợ ngắn hạn	2.831	4.115	4.509	4.395
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	2.831	4.115	4.509	4.395
+ Vốn cổ phần	2.879	2.879	2.879	2.879
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.554	1.231	1.085	1.624
+ Quỹ khác	182	226	226	226
Vốn chủ sở hữu	4.614	4.336	4.189	4.729
Tổng cộng nguồn vốn	7.445	8.451	8.698	9.124

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	42,9%	-27,3%	-6,9%	31,3%
Tăng trưởng LNNT	61,4%	-42,7%	-	459,9%
			61,4%	
Tăng trưởng LNST	68,1%	-48,2%	-	640,3%
			69,0%	
Tăng trưởng VCSH	9,0%	-6,0%	-3,4%	12,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	12,4%	13,5%	2,9%	4,9%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	9,6	15,8	75,9	7,2
P/B	1,8	1,6	1,4	1,48
EPS	2.992	1.546	276	3.375
BVPS	16.027	15.062	14.552	16.427

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA

Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%

TRUNG LẬP

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%

KÉM KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%

BÁN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây